

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 26-11-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn và Chia tài  
sản chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: + Ông Huỳnh Văn Ngoan.

+ Bà Trần Thị Thu Hằng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:***  
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và Chia tài sản chung”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 255/2020/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 468/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Công C, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, Phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, Phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Hiếu N, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, Phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Thị T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn – anh Nguyễn Công C trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thị xã G. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính cách và lối sống, vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc và đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Thống nhất có tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 diện tích 71,97m<sup>2</sup>. Cấu trúc nhà: Mái tole, cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic 400; Địa chỉ: Khu phố B, Phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nhưng đã bán cho ông Huỳnh Hiếu N với giá 180.000.000 đồng cùng với chuyển nhượng đất vào tháng 9/2019. Ông N cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Sau khi bán nhà, anh có giao cho chị T ½ số tiền bán nhà là 92.000.000 đồng. Vì anh đã giao đủ ½ giá trị căn nhà cho chị T rồi nên anh không đồng ý với yêu cầu phân tố chia tài sản chung của chị T.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị thống nhất lời trình bày của anh C về thời gian kết hôn và sống chung. Theo chị, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chỉ từ tháng 10/2019 cho đến nay, do chị có vay nợ lãi cao bên ngoài để cất nhà. Nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn nên chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị có yêu cầu phân tố yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 diện tích 71,97m<sup>2</sup>. Cấu trúc nhà: Mái tole, cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic 400. Địa chỉ: Khu phố B, Phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Chị có biết việc bán nhà và đất giữa anh C và ông N. Sau khi chuyển nhượng nhà, đất chị có nhận của anh C số tiền 92.000.000 đồng. Tuy nhiên giá trị căn nhà khi chuyển nhượng thực tế là cao hơn so với giá thỏa thuận bán. Tòa án đã định giá căn nhà và hàng rào, sân bê tông hiện tại là 340.069.438 đồng. Vì vậy, chị yêu cầu được nhận ½ giá trị căn nhà và đồng ý cản trừ số tiền 92.000.000 đồng đã nhận, yêu cầu anh C có nghĩa vụ hoàn lại cho chị số tiền 78.035.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Hiếu N trình bày:*

Vào tháng 9/2019, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Công C thửa đất số 16, tờ bản đồ số 11, diện tích 125,2m<sup>2</sup> và căn nhà trên đất với giá 250.000.000 đồng, trong đó giá thỏa thuận nhà là 180.000.000 đồng, giá đất là 70.000.000 đồng. Ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 05341 ngày 02/10/2019. Do thấy hoàn cảnh anh C, chị T khó

khẩn nên ông đồng ý cho vợ chồng anh C, chị T ở lại một năm để tìm chỗ ở mới. Đối với yêu cầu chia nhà của chị T là không có cơ sở nên ông không đồng ý và ông xin vắng mặt cho đến khi vụ án giải quyết xong.

\* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 255/2020/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công C.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Công C được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Ngày 17/8/2020, chị Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Công C; buộc anh Nguyễn Công C phải chia thêm giá trị căn nhà cho chị T là 78.035.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Nguyễn Công C không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị T. Ông Huỳnh Hiếu N có đơn xin vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, sửa một phần bản án sơ thẩm về việc chia tài sản theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị T; buộc anh C phải chia cho chị T  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà là 170.034.719 đồng. Anh C đã giao cho chị T 92.000.000 đồng nên buộc anh C phải giao tiếp 78.035.000 đồng (lấy số chẵn).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Hiếu N có đơn xin vắng mặt đề ngày 06/11/2020. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Theo đơn kháng cáo đề ngày 17/8/2020 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T trình bày: Căn nhà Khu phố B, Phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của vợ chồng chị, được xây dựng vào năm 2018 với số tiền khoảng 400.000.000 đồng và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Nhà có diện tích 71,97m<sup>2</sup> được xây dựng trên thửa đất số 16, tờ bản đồ 11, diện tích 125,2m<sup>2</sup> do anh Nguyễn Công C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 017985, vào sổ cấp GCN: CH01804 ngày 10/4/2015. Tháng 9/2019, anh C thế chấp thửa đất trên để vay của ông Huỳnh Hiếu N 250.000.000 đồng nhưng hai bên làm hợp đồng dưới hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Anh C có đưa cho chị 03 lần tiền, tổng cộng 92.000.000 đồng. Khi giải quyết ly hôn, căn nhà được định giá là 340.069.438 đồng, nếu chia đôi thì mỗi người được nhận 170.034.719 đồng, nhưng anh C chỉ mới giao cho chị 92.000.000 đồng, vì vậy chị kháng cáo yêu cầu anh C chia thêm cho chị 78.035.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu anh C không đồng ý chia cho chị số tiền trên thì chị không đồng ý ly hôn với anh C.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị T và anh C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về tiền bạc nên hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay.

Tháng 10/2019, anh C nộp đơn xin ly hôn với chị T, mặc dù đã được hòa giải nhiều lần nhưng anh C vẫn cương quyết xin được ly hôn. Riêng chị T trình bày chị chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh C phải chia tài sản chung cho chị là ½ giá trị căn nhà theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị T là có thật và đã trở nên trầm trọng không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị T là có căn cứ phù hợp pháp luật. Chị T kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh C nếu anh C không chia thêm tiền bán nhà cho chị chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của chị T là có căn cứ.

- Về tài sản chung: Anh C và chị T đều thống nhất anh chị có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà cấp 4 diện tích 71,97m<sup>2</sup>. Cấu trúc nhà: Mái tole, cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic 400; Địa chỉ: Khu phố B, Phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (anh C ghi nhầm số nhà là 84/42, 862). Tuy nhiên, căn nhà đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Hiếu N vào tháng 9/2019 cùng với quyền sử dụng đất, giá chuyển nhượng nhà là 180.000.000 đồng. Do đất là của anh C, căn nhà là do vợ chồng cùng bỏ tiền ra xây dựng nên sau đó, anh C có giao cho chị T số tiền 92.000.000 đồng, việc bán nhà và giao tiền đều được chị T thừa nhận. Như vậy, về tài sản chung của vợ chồng anh chị đã chuyển nhượng và chia giá trị xong.

Xét lời trình bày của chị T về việc giá trị căn nhà thực tế cao hơn so với giá thỏa thuận bán nên chị yêu cầu anh C có nghĩa vụ hoàn lại cho chị  $\frac{1}{2}$  giá trị thực tế của căn nhà sau khi trừ đi 92.000.000 đồng chị đã nhận là không có căn cứ. Bởi lẽ, khi thỏa thuận chuyển nhượng nhà và đất, chị T đều biết hoặc buộc phải biết nhưng không có ý kiến gì về giá thời điểm đó và chị đã nhận tiền bán nhà xong. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị T, do hiện nay tài sản chung của vợ chồng không còn.

Chị T kháng cáo nhưng không bổ sung được tài liệu, chứng cứ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 33 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 255/2020/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công C.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Công C được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2/- Về án phí: Anh Nguyễn Công C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 43439 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 43587 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang, nên chị T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 2.200.000 đồng (hai triệu, hai trăm nghìn đồng) theo biên lai trên.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 43933 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 08 giờ ngày 26/11/2020, có mặt chị T và anh C./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Thu Thủy**